Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 27.08.2019 09:23:20 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 294 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 26 tháng 8 năm 2019*

BÁO CÁO
Tình hình phát triển làng nghề công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp

Thực hiện Công văn số 5336/BCT-CTĐP ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ Công Thương về vệc báo cáo tình hình phát triển làng nghề công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo như sau:

1. Nghề truyền thống, làng nghề truyền thống

Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 10 nghề truyền thống và 01 làng nghề truyền thống được công nhận. Các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống được công nhận đã hình thành tổ chức kinh tế hợp tác gồm: 01 HTX mây tre đan (đat lát) tại xã Long Thành Nam, huyện Hòa Thành, 01 HTX Bánh tráng tại thị trấn Trảng Bàng, 01 tổ hợp tác Đúc gang tại ấp Trường Thọ, xã Trường Hòa, huyện Hòa Thành; đối với các nghề truyền thống khác như mộc gia dụng, se nhang, gò nhôm, nón lá…cũng đã hình thành các tổ liên kết sản xuất hỗ trợ nhau phát triển sản xuất kinh doanh. Nhìn chung các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống phát triển ổn định, tạo việc làm góp phần cải thiện đời sống người dân tại địa phương.

Trong các sản phẩm từ nghề truyền thống có bánh tránh phơi sương Trảng Bàng đã được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công nhận là một trong các sản phẩm nằm trong danh mục Di sản Văn hoá phi vật thể cấp Quốc gia năm 2015.

Hiện nay, địa bàn tỉnh chưa có làng nghề công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp được công nhận theo tiêu chí làng nghề được quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

2. Công tác hỗ trợ phát triển nghề truyền thống, làng nghề truyền thống

Nhằm thực hiện đạt hiệu quả Quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh, từ năm 2014 đến 2018 với nguồn kinh phí từ chương trình khuyến công địa phương, Tây Ninh đã tổ chức hỗ trợ **45** đề án cho các cơ sở công nghiệp nông thôn, với tổng kinh phí hỗ trợ **4,55** tỷ đồng, trong đó:

- Hỗ trợ đổi mới máy móc thiết bị, tiến bộ khoa học kỹ thuật: 20 đề án, kinh phí thực hiện 2.366,5 triệu đồng.

- Hỗ trợ phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu: tổ chức 03 đợt bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (SPCNNT) cấp huyện và cấp tỉnh, kinh phí thực hiện 553,730 triệu đồng.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở tham gia 4 kỳ hội chợ triển lãm trong và ngoài tỉnh, kinh phí thực hiện 946,292 triệu đồng.

Ngoài ra với nguồn kinh phí khuyến công địa phương, Tây Ninh còn hỗ trợ cơ sở, ngành nghề nông thôn trong việc cung cấp thông tin thông qua các bản tin khuyến công, trên các website, tổ chức nhiều đợt tập huấn về kỹ năng kinh doanh,…

Cùng với việc hỗ trợ các chương trình, dự án phát triển ngành nghề nông thôn, từ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, năm 2018 dự án "Phát triển nghề bánh tráng tại xã Chà Là" cũng được triển khai, với mức hỗ trợ 300 triệu đồng (nguồn ngân sách trung ương).

3. Đánh giá chung

a. Thuận lợi:

- Được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của các cấp, các ngành tại địa phương trong việc triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn. Nhìn chung, tình hình phát triển ngành nghề nông thôn tương đối ổn định và một số ngành nghề như: mây tre, bánh tráng, muối ớt… có khuynh hướng phát triển mạnh trên thị trường.

- Việc phát triển ngành nghề nông thôn đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu lao động nhằm tăng thu nhập, cải thiện và nâng cao đời sống cho lao động nông nghiệp, nông thôn, tạo công ăn việc làm cho lao động nông thôn, góp phần xoá đói giảm nghèo.

- Các cấp, các ngành đã có sự quan tâm hỗ trợ đầu tư nhằm bảo tồn và phát triển các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh.

b. Khó khăn và nguyên nhân

- Hoạt động sản xuất ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh hầu hết mang tính tự phát, quy mô sản xuất nhỏ, mang tính chất hộ gia đình, chủ yếu là lao động thủ công, thiết bị công nghệ sản xuất cải tiến ít, thiếu vốn, thiếu tính liên kết và hợp tác trong sản xuất.

- Sản phẩm hàng hóa ngành nghề nông thôn phần lớn chưa có nhãn hiệu, thương hiệu, chất lượng sản phẩm chưa ổn định, sức cạnh tranh các sản phẩm ngành nghề nông thôn với sản phẩm công nghiệp khác còn hạn chế; đồng thời các sản phẩm ngành nghề nông thôn chưa gắn với du lịch hạn chế việc quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm.

- Các cơ sở công nghiệp nông thôn vẫn còn gặp nhiều trở ngại trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng, chủ yếu về mặt cơ chế tín dụng và thủ tục vay vốn.

- Một số nghề truyền thống đã được hình thành ở các địa phương từ lâu đời như nghề chằm nón lá, sản xuất đũa tre, nghề rèn…sản xuất mang tính nhỏ lẻ, cầm chừng, không ổn định, hiệu quả thấp, có xu hướng bị mai một thất truyền.

4. Định hướng phát triển nghề truyền thống, làng nghề truyền thống

-Tiếp tục thực hiện quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, phát huy thế mạnh từng địa phương và bảo vệ môi trường.

- Hướng dẫn các địa phương lập hồ sơ đề nghị xét công nhận các làng nghề truyền thống đạt tiêu chuẩn theo quy định (đối với các nghề truyền thống đã được công nhận).

- Tận dụng các nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình khuyến công…thực hiện các dự án phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống, ngành nghề nông thôn.

- Xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm ngành nghề nông thôn, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động sản xuất ngành nghề, ưu tiên cho các lĩnh vực: bảo quản chế biến nông sản, hàng thủ công mỹ nghệ...đồng thời chú trọng đến xử lý chất thải giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các làng nghề.

- Đào tạo, thu hút các nghệ nhân tham gia các hoạt động đào tạo, truyền nghề cho các thế hệ kế cận, bảo tồn nghề truyền thống.

- Tạo điều kiện cho các sản phẩm ngành nghề nông thôn tham gia Hội chợ triển lãm nhằm quảng bá sản phẩm, đưa sản phẩm đến người tiêu dùng./.

Nơi nhận:
- Bộ Công Thương;
- CT, các PCT;
- Sở Công Thương;
- CVP, PVP Long, Nhung;
- Phòng KTTC;
- Lưu: VTVP.

Trúc 22

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Thắng

Biểu 1

CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN DO TỈNH BAN HÀNH

STT	Số, ngày, tháng, năm ban hành	Chính sách khuyến khích hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn
1	Số 09/2009/NQ-HĐND ngày10/4/2009	Nghị quyết số 09/2009/NQ-HĐND ngày10/4/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII, kỳ họp thứ 16 về quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2009 – 2015 và định hướng đến năm 2020.
2	Số 26/2009/QĐ-UBND ngày27/5/2009	Quyết định số 26/2009/QĐ-UBND, phê duyệt quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2009 – 2015 và định hướng đến năm 2020.
3	Số 2457/QĐ-UBND ngày 27/12/2010	Quyết định số 2457/QĐ-UBND ngày 27/12/2010 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2011-2015.
4	Số 1345/QĐ-UBND ngày 31/5/2016	Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 31/5/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020.
5	Số 13/2011/QĐ-UBND ngày 19/4/2011	Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 19/4/2011 về việc ban hành Quy chế xây dựng, tổ chức thực hiện, quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công và quản lý sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.
6	Số 63/2012/QĐ-UBND ngày 21/12/2012	Quyết định số 63/2012/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2013-2015
7	Số 28/2015/QĐ-UBND ngày 02/6/2015 của UBND tỉnh Tây Ninh	Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 02/6/2015 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy chế xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.
8	Số 2937/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh Tây Ninh	Quyết định số 2937/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Chương trình Khuyến công địa phương tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020.
9	Số 1061/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh	Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Chương trình khuyến công kèm theo Quyết định số 2937/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh Tây Ninh.

10	Số 11/2019/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh	Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy chế quản lý kinh phí và mức chi cho các hoạt động khuyến công, phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh
11	Số 53/2017/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh	Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND về việc hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ, xác lập và phát triển tài sản trí tuệ được ban hành, trong đó có quy định hỗ trợ sản phẩm đặc thù, sản phẩm làng nghề mang địa danh của tỉnh

Biểu 2

DANH SÁCH CÁC LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG, NGHỀ TRUYỀN THỐNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN THỜI ĐIỂM 30/6/2019

TT	Tên làng nghề, làng nghề truyền thống, nghề truyền thống được công nhận			Địa chỉ	Nhóm ngành nghề (*)	Năm công nhận	Việc rà soát các tiêu chí công nhận đảm bảo điều kiện về bảo vệ môi trường (Đã rà soát/chưa rà soát)
	Làng nghề	Làng nghề truyền thống	Nghề truyền thống				
I	**Thành phố Tây Ninh**						
1			Nghề chằm nón lá	phường Ninh Sơn	Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ,thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ	2014	chưa rà soát
2			Nghề gò nhôm	phường Hiệp Ninh	Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ,thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ	2014	chưa rà soát
3			Nghề mộc gia dụng	Phường IV	Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ,thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ	2014	chưa rà soát
II	**Huyện Hòa Thành**						
1			Nghề làm nhang	ấp Long Tân, xã Long Thành Bắc	Các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn	2013	chưa rà soát

TT	Tên làng nghề, làng nghề truyền thống, nghề truyền thống được công nhận			Địa chỉ	Nhóm ngành nghề (*)	Năm công nhận	Việc rà soát các tiêu chí công nhận đảm bảo điều kiện về bảo vệ môi trường (Đã rà soát/chưa rà soát)
	Làng nghề	Làng nghề truyền thống	Nghề truyền thống				
2			Nghề Đúc gang	ấp Trường Thọ, xã Trường Hòa	Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ,thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ	2013	chưa rà soát
3			Nghề Mộc gia dụng	ấp Hiệp An, xã Hiệp Tân	Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ	2013	chưa rà soát
4			Nghề Mây tre đan	tại ấp Long Bình, xã Long Thành Nam.	Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ	2013	chưa rà soát
5		Mây tre đan		ấp Long Bình, xã Long Thành Nam	Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ	2014	chưa rà soát
III	**Huyện Trảng Bàng**						
1			Nghề bánh tráng	thị trấn Trảng Bàng	Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản	2014	chưa rà soát
2			Nghề mây tre đan	xã An Hòa	Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ,thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ	2014	chưa rà soát
3			Nghề rèn	ấp Tân Lộc, xã Gia Lộc	Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ	2014	chưa rà soát

(*): phân chia theo 7 nhóm ngành nghề được quy định tại Điều 4 Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn

Biểu 3

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÁC CƠ SỞ SXKD TRONG LÀNG NGHỀ(**)
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH

TT	Nhóm ngành nghề	Doanh thu (tỷ đồng)	Vốn và tài sản (tỷ đồng)	Nộp ngân sách (tỷ đồng)	Thu nhập bình quân (triệu đồng/ lđ /tháng)	Tổng số lao động trong làng nghề (người)			Tổng số cơ sở SXKD trong làng nghề			
						Tổng số lao động trong làng nghề	Trong đó		Doanh nghiệp	HTX	Tổ hợp tác	Hộ
							Lao động thường xuyên	Chuyên gia có tay nghề cao				
1	Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ											
	Làng nghề truyền thống Mây tre đan	90		0	4 đến 4,5	362	250	1		1		162

(**): Chỉ tính các làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận